

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TC
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2024/HNGĐ- ST

Ngày: 28-6-2024

V/v: Ly hôn, nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TC, TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lò Mai Xiêng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Ngọc Thiệp

2. Bà Lý Thị Vinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Phương - Thư ký Toà án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Bạc Cẩm Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 173/2024/TLST - HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2024/QĐXXST- HNGĐ, ngày 12 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lò Thị T, sinh năm 1999.

Địa chỉ: Bản T, xã TL, huyện TC, tỉnh Sơn La. (Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Lò Văn Th, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Bản N, xã B, huyện TC, tỉnh Sơn La.

Anh Toán hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Sơn La. (Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Lò Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị Lò Thị T và anh Lò Văn Th kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn ngày 08/9/2017 tại Ủy ban nhân dân xã Bó Mười, huyện TC, tỉnh Sơn La, kết hôn tự nguyện không bị ép buộc. Quá trình chung sống đến năm 2019 có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Toán nghiện ma túy

dẫn đến tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, hôn nhân gia đình trở nên bế tắc, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Lò Thị T và anh Lò Văn Th đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Hiện nay anh Lò Văn Th đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Sơn La. Chị Lò Thị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị ly hôn với anh Lò Văn Th.

Về con chung: Chị Lò Thị T và anh Lò Văn Th có 02 (hai) con chung là cháu Lò Chấn T, sinh ngày 23/3/2014 và cháu Lò Gia H, sinh ngày 30/12/2016. Chị Lò Thị T có nơi cư trú ổn định, làm trồng trọt, chăn nuôi, bán hàng, thu nhập bình quân mỗi tháng từ 8.000.000 đồng đến 9.000.000 đồng. Hiện tại cả hai cháu Lò Chấn T và cháu Lò Gia H đang sống chung với chị Lò Thị T.

Chị Lò Thị T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục hai cháu Lò Chấn T và cháu Lò Gia H.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lò Thị T không yêu cầu anh Lò Văn Th phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Chị Lò Thị T cam đoan không có nợ chung.

Trong bản tự khai, bị đơn anh Lò Văn Th trình bày (Có xác nhận của trại tạm giam Công an tỉnh Sơn La):

Về hôn nhân: Anh Lò Văn Th và chị Lò Thị T kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn từ ngày 08/9/2017 tại Ủy ban nhân dân xã Bó Mười, huyện TC, tỉnh Sơn La, kết hôn tự nguyện không bị ép buộc. Quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị Thương tự ý bỏ nhà đi, anh Toán và chị Thương đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Anh Lò Văn Th xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhất trí ly hôn với chị Lò Thị T.

Về con chung: Anh Lò Văn Th và chị Lò Thị T có 02 (hai) con chung là cháu Lò Chấn T, sinh ngày 23/3/2014 và cháu Lò Gia H, sinh ngày 30/12/2016. Anh Lò Văn Th đề nghị để ông, bà nội (là bố, mẹ đẻ của anh Lò Văn Th) được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục hai cháu Lò Chấn T và cháu Lò Gia H.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lò Văn Th không yêu cầu chị Lò Thị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Anh Lò Văn Th cam đoan không có nợ chung.

Đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ cho Tòa án, không có ý kiến gì về các chứng cứ do các đương sự xuất trình và không yêu cầu triệu tập đương sự khác, người tham gia tố tụng khác.

Chị Lò Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt: Chị Thương giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và ý kiến trong bản tự khai.

Anh Lò Văn Th có đơn đề nghị xét xử vắng mặt: Anh Toán giữ nguyên ý kiến trong bản tự khai.

Tại biên bản xác minh ngày 05/6/2024: Tại Ủy ban nhân dân xã Bó Mười, huyện TC, tỉnh Sơn La. Chị Lò Thị T và anh Lò Văn Th có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã Bó Mười, huyện TC. Quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn, không nắm rõ nguyên nhân. Hiện tại anh Lò Văn Th đang đi chấp hành án theo bản án của Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La. Chị Lò Thị T và anh Lò Văn Th có 02 (hai) con chung là cháu Lò Chân T, sinh ngày 23/3/2014 và cháu Lò Gia H, sinh ngày 30/12/2016. Tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung: Không nắm được.

Tại biên bản ghi ý kiến ngày 04/6/2024, Lò Chân T và cháu Lò Gia H đều có nguyện vọng là ở với mẹ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện TC phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Kể từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Sơn La đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định pháp luật.

Viện kiểm sát đề nghị áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về tình cảm: Xử cho chị Lò Thị T được ly hôn anh Lò Văn Th.

Về con chung: Giao cháu Lò Chân T, sinh ngày 23/3/2014 và cháu Lò Gia H, sinh ngày 30/12/2016 cho chị Lò Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Lò Văn Th không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Chị Lò Thị T, anh Lò Văn Th cam đoan không có nợ chung.

Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch nguyên đơn chị Lò Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Lò Thị T yêu cầu giải quyết ly hôn với bị đơn anh Lò Văn Th có địa chỉ tại bản Nà Sành, xã Bó Mười, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của nguyên đơn chị Lò Thị T, bị đơn anh Lò Văn Th: Nguyên đơn chị Lò Thị T, bị đơn anh Lò Văn Th có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị T và anh Lò Văn Th kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn ngày 08/9/2017, tại Ủy ban nhân dân xã Bó Mười, huyện TC, tỉnh Sơn La, kết hôn tự nguyện, sau khi kết hôn đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh Toán nghiện ma túy, dẫn đến bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã, hôn nhân gia đình trở nên bế tắc, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Lò Thị T và anh Lò Văn Th đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Hiện nay anh Lò Văn Th đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Sơn La. Chị Thương cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị được ly hôn anh Lò Văn Th. Anh Lò Văn Th nhất trí ly hôn.

Trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ, bản tự khai, biên bản xác minh tại chính quyền địa phương.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Thương và anh Toán trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, xử cho chị Lò Thị T được ly hôn anh Lò Văn Th. Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị Lò Thị T và anh Lò Văn Th có 02 (hai) con chung là cháu Lò Chấn T, sinh ngày 23/3/2014 và cháu Lò Gia H, sinh ngày 30/12/2016. Hiện tại hai cháu Lò Chấn T và cháu Lò Gia H đang được chị Thương chăm sóc và nuôi dưỡng. Chị Lò Thị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục hai cháu Lò Chấn T và cháu Lò Gia H. Do anh Toán đang đi chấp hành án, anh Toán đề nghị để ông, bà nội được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục hai cháu Lò Chấn T và cháu Lò Gia H.

Căn cứ các tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp, tài liệu thu thập của Tòa án: Chị Thương có nơi cư trú ổn định, lao động, buôn bán tự do, có thu

nhập. Anh Lò Văn Th không có công việc, thu nhập, anh Toán nghiện ma túy (đang chấp hành án).

Từ các căn cứ nêu trên xét thấy: Căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, đặc biệt là các điều kiện cho sự phát triển về thể chất, bảo đảm việc học hành và các điều kiện cho sự phát triển tốt về thể chất, tinh thần, cần giao hai cháu Lò Chấn T, sinh ngày 23/3/2014 và cháu Lò Gia H, sinh ngày 30/12/2016 cho chị Lò Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Lò Văn Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung (chị Thương không yêu cầu, anh Toán không có khả năng cấp dưỡng).

Căn cứ Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Không có.

[5] Về tài sản riêng: Không có.

[6] Về nợ chung: Chị Lò Thị T, anh Lò Văn Th không có nợ chung.

[7] Về án phí: Chị Lò Thị T có đơn xin miễn án phí dân sự sơ thẩm, xét thấy chị Lò Thị T là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn, căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho nguyên đơn chị Lò Thị T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lò Thị T được ly hôn anh Lò Văn Th.

2. Về con chung: Chị Lò Thị T, anh Lò Văn Th có 02 (hai) con chung là cháu Lò Chấn T, sinh ngày 23/3/2014 và cháu Lò Gia H, sinh ngày 30/12/2016. Giao hai cháu Lò Chấn T và Lò Gia H cho chị Lò Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Lò Văn Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung (chị Lò Thị T không yêu cầu).

4. Về tài sản chung: Không có.

5. Về tài sản riêng: Không có.

6. Về nợ chung: Chị Lò Thị T và anh Lò Văn Th không có nợ chung.

7. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho nguyên đơn chị Lò Thị T. Hoàn trả lại chị Lò Thị T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: 0001803, ngày 29 tháng 5 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TC, tỉnh Sơn La.

8. Về quyền kháng cáo: Chị Lò Thị T, anh Lò Văn Th được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện TC;
- Chi cục THADS huyện TC;
- UBND xã Bó Mười, huyện TC;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lò Mai Xiêng